

Số: *06* /2023/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *30* tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện
chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 16/TTr-SKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *mm*

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PTTH tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD, NN, TC, TKTH. *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Tuấn

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Kèm theo Quyết định số 06 /2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện

1. Phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình.

3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho các cấp, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, các cấp, các địa phương trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình.

4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm và hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp, thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 4. Quy định chung

1. Cấp tỉnh

a) Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh điều phối, tổng hợp nội dung liên quan đến các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

đ) Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Các sở, ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần, các nội dung thành phần và các nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cấp huyện: Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Ban Quản lý xã giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã; chỉ đạo các thôn, bản, khu dân cư, tổ dân phố và tương đương (gọi

chung là thôn) thành lập Ban phát triển thôn do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng dân cư thống nhất và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

Điều 5. Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia không phải quyết định chủ trương đầu tư.

2. Chủ đầu tư

a) Đối với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

b) Đối với các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô cấp huyện, liên huyện, liên xã, các dự án do cấp tỉnh quản lý và các dự án khác: Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ chủ đầu tư cho đơn vị có đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng để thực hiện.

3. Thẩm định, quyết định đầu tư dự án

a) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái và quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Quyết định đầu tư dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái và quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định có liên quan (nếu có).

4. Quyết toán dự án hoàn thành: Trình tự, thủ tục, hồ sơ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước; hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

Điều 6. Quy định về quản lý, thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng

1. Chủ đầu tư

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch liên kết phạm vi trong huyện. Các

cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia làm chủ đầu tư dự án, kế hoạch liên kết phạm vi liên huyện; đối với dự án, kế hoạch liên kết có sự lồng ghép các nguồn vốn, chủ đầu tư là cơ quan chủ trì dự án thành phần có tỷ lệ cơ cấu nguồn vốn lớn nhất trong tổng chi phí của dự án, kế hoạch liên kết. Các trường hợp khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư dự án, phương án sản xuất do cộng đồng dân cư thực hiện trên địa bàn xã. Trường hợp không đủ năng lực, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc làm chủ đầu tư.

c) Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng: Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình trên địa bàn.

2. Thẩm định, quyết định phê duyệt dự án

a) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Đối với dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên phạm vi liên huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện phạm vi trong huyện.

c) Đối với dự án, phương án sản xuất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất thực hiện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

d) Đối với duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình và hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn xã, trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

3. Quyết toán dự án hoàn thành: Trình tự, thủ tục, hồ sơ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước; hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

Điều 7. Quy định về phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng; đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách chi tiết đối tượng thụ hưởng và đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi thực hiện các chính sách, dự án, mô hình, kế hoạch, phương án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã làm chủ đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt danh sách chi tiết đối tượng thụ hưởng và đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi thực hiện các chính sách, dự án, mô hình, kế hoạch, phương án do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan chủ trì chương trình

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chương trình được phân công quản lý theo chức năng, nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; tổng hợp đề xuất, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện các chương trình.
3. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm.
4. Hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các chương trình cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo nhiệm vụ được giao. Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí được giao bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; quyết toán kinh phí theo quy định.
5. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình gửi cơ quan chủ trì chương trình tổng hợp vào kế hoạch chung.
2. Trực tiếp triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần được phân công. Hướng dẫn thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo nhiệm vụ được giao. Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí được giao bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; quyết toán kinh phí theo quy định.
3. Phối hợp với cơ quan chủ trì chương trình lập kế hoạch, thực hiện, hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình giai đoạn 2021-2025. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tổng hợp, điều phối chung các chương trình mục tiêu quốc gia; tham mưu cho Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hành chung thực hiện các chương trình giai đoạn 2021-2025.

2. Chủ trì tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch, phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển và giao mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm và hằng năm.

3. Chủ trì kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tổ chức triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp chung báo cáo kết quả thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của các bộ, ngành trung ương; Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với cơ quan chủ trì chương trình, dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương; kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện các chương trình.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp; cơ chế thanh toán, quyết toán các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập, tổng hợp, giao mục tiêu, nhiệm vụ, giao kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình 5 năm và hằng năm.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần và các địa phương trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thực hiện các chương trình theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chương trình; tổ chức giám sát cộng đồng việc triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình và theo đúng các quy định hiện hành.

2. Xây dựng, tổng hợp kế hoạch thực hiện các chương trình; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và huy động, lồng ghép nguồn vốn các chính sách, chương trình, dự án, đóng góp của cộng đồng dân cư để thực hiện chương trình theo quy định.

3. Sử dụng kinh phí của các chương trình theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

4. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo đánh giá việc tổ chức thực hiện các chương trình trên địa bàn.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo đúng kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Xây dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện các chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí của các chương trình theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ được giao bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; chủ động, tích cực tuyên truyền, vận động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quá trình lập và tổ chức thực hiện chương trình. Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng đối với việc triển khai thực hiện các chương trình trên địa bàn.

3. Chịu trách nhiệm về đối tượng thụ hưởng các chính sách hỗ trợ, đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi trên địa bàn; thông báo công khai đối tượng thụ hưởng, kế hoạch vốn được giao. Thanh quyết toán kinh phí thực hiện hằng năm theo đúng quy định hiện hành.

4. Quản lý, bảo vệ và khai thác sử dụng có hiệu quả công trình được đầu tư trên địa bàn sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo đánh giá việc tổ chức thực hiện các chương trình trên địa bàn.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đã được thẩm định trước ngày quy định này có hiệu lực nhưng chưa phê duyệt thì không phải tổ chức thẩm định lại; việc phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định này.

2. Dự án đã phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực, đang triển khai thực hiện hoặc chưa triển khai thực hiện, các bước tiếp theo thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, nhưng phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành./.